

LVKL 05. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của CITES.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. <p>Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận giải quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định và gửi hồ sơ đã thẩm định cho Cơ quan quản lý CITES Việt Nam. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ; trong thời hạn năm (05) ngày làm việc Cơ quan quản lý CITES Việt Nam phải thông báo lý do từ chối cho Cơ quan thẩm định hồ sơ và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo. Trường hợp chấp nhận hồ sơ, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam phải xem xét, gửi hồ sơ đăng ký cho Ban Thư ký Công ước CITES quốc tế để xem xét, chấp nhận trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ đăng ký đã được thẩm định. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến chấp nhận của Ban Thư ký CITES quốc tế, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam phải cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo vì mục đích thương mại loài thuộc Phụ lục I của CITES cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân <p>Bước 3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm hoặc qua dịch vụ bưu chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận (<i>theo mẫu</i>). - Hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã (<i>theo mẫu</i>); <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính</p>
Thời hạn giải quyết	<p>15 ngày làm việc (Mục đích tiêu thụ trong nước) 35 ngày làm việc (Mục đích xuất khẩu nước ngoài).</p>
Đối tượng thực hiện	<p>Tổ chức, cá nhân</p>
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ban thư ký CITES Quốc tế - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Cơ quan quản lý CITES Việt Nam - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum
Kết quả	<p>Giấy chứng nhận</p>
Lệ phí	<p>Không</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Mẫu đề nghị cấp giấy phép, chứng nhận cơ sở trồng cây nhân tạo các loài phụ lục I của Công ước CITES (<i>Phụ lục III-A Nghị định số</i></p>

	<p>98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu hồ sơ gửi kèm công văn đề nghị đăng ký các trại nuôi sinh sản động vật hoang dã qui định tại phụ lục I của Công ước CITES (<i>Phụ lục III-B Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011</i>)
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	<p>1. Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại nuôi. - Đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát. - Đăng ký trại nuôi sinh trưởng những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh trưởng không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên. - Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước. - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, chăm sóc loài vật nuôi và ngăn ngừa dịch bệnh. - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác con non, trứng từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, ấp nở nhằm mục đích thương mại phải được cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Nghị định 82/2006/NĐ-CP cho phép (<i>có phụ lục kèm theo</i>). <p>2. Cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thực vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài cây trồng và năng lực sản xuất của cơ sở trồng cây nhân tạo. - Cơ sở trồng cây nhân tạo phải được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc trồng cây nhân tạo không ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên. - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật trồng cây nhân tạo, chăm sóc cây trồng và ngăn ngừa dịch bệnh.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ.</i>

PHỤ LỤC III-A

MẪU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP, CHỨNG NHẬN CƠ SỞ TRỒNG CÂY NHÂN TẠO CÁC LOÀI PHỤ LỤC I CỦA CÔNG ƯỚC CITES

(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

1. Tên và địa chỉ của cơ sở/Name and address of the requested farm:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện/Full name owners or their representatives:
Số CMND/Hộ chiếu/ID/Passport: Ngày cấp/date: Nơi cấp/place:
3. Loài đăng ký trồng cây nhân tạo (tên khoa học, tên thông thường)
4. Số lượng loài thực vật đăng ký trồng cây nhân tạo
5. Mô tả nguồn giống của loài đăng ký trồng cây nhân tạo (tài liệu chứng minh nguồn giống được khai thác hoặc nhập khẩu hợp pháp:
6. Mô tả phương pháp trồng cây nhân tạo:
7. Mô tả điều kiện hạ tầng cơ sở:
8. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới:
9. Giấy chứng nhận mẫu vật không mang dịch bệnh hoặc không gây hại cho các hoạt động kinh tế khác của quốc gia đối với các cơ sở trồng cây nhân tạo những loài không phân bố ở Việt Nam:
10. Các thông tin khác theo yêu cầu của Công ước CITES đối với những loài thực vật quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES:

PHỤ LỤC III-B

MẪU HỒ SƠ GỬI KÈM CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CÁC TRẠI NUÔI SINH SẢN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC I CỦA CÔNG ƯỚC CITES
(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

1. Tên và địa chỉ của trại:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:
Số CMND/Hộ chiếu/ID/Passport: Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Loài đăng ký gây nuôi sinh sản (tên khoa học, tên thông thường):
4. Thông tin chi tiết về số lượng và tuổi của con đực, cái trong đàn giống sinh sản:
5. Tài liệu chứng minh các con giống có nguồn gốc hợp pháp theo quy định hiện hành hoặc nếu nhập khẩu thì phải chứng minh được việc nhập khẩu phù hợp với các quy định của Công ước CITES và luật pháp quốc gia:
6. Nếu trại mới sản xuất được thế hệ F1 thì cung cấp tài liệu chứng minh trại được quản lý và hoạt động theo phương pháp mà một trại khác đã áp dụng và được công nhận đã sản xuất được thế hệ F2:
7. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới:
8. Loại sản phẩm (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác):
9. Mô tả chi tiết phương pháp đánh dấu mẫu vật (dùng thẻ, chíp điện tử, cắt tai, cắt vẩy), nhằm xác định nguồn giống sinh sản, các thế hệ kế tiếp và các loại sản phẩm xuất khẩu:
10. Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: diện tích, công nghệ chăn nuôi, cung cấp thức ăn, khả năng thú y, vệ sinh môi trường, cách thức lưu trữ thông tin:
11. Các trại nuôi sinh sản những loài không phân bố ở Việt Nam phải trình bằng chứng nguồn giống là mẫu vật tiền Công ước, có nguồn gốc từ mẫu vật tiền Công ước hoặc được đánh bắt tại quốc gia có loài đó phân bố theo đúng các quy định của Công ước và luật pháp của quốc gia đó:
12. Các trại nuôi sinh sản những loài không phân bố ở Việt Nam phải trình giấy chứng nhận mẫu vật không mang dịch bệnh hoặc không gây hại cho các hoạt động kinh tế của quốc gia:
13. Các thông tin khác theo yêu cầu của Công ước CITES đối với những loài động vật quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES:

Phụ lục: Điều 9 Nghị định 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ

Điều 9. Trách nhiệm quản lý nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm

1. Cơ quan Kiểm lâm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cơ quan Kiểm lâm tỉnh) có trách nhiệm quản lý, xác nhận năng lực sản xuất của các trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm (trừ các loài thủy sinh) quy định tại Nghị định này. Những địa phương không có cơ quan kiểm lâm thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện trách nhiệm này.

2. Cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý, xác nhận năng lực sản xuất của các trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thủy sinh. Những địa phương không có cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản thì sở quản lý chuyên ngành về thủy sản thực hiện trách nhiệm này.